

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách năm 2024
của Trường THPT Bình Liêu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT BÌNH LIÊU

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-SGD&ĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-SGD&ĐT ngày 04/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao bổ sung dự toán kinh phí năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước của Trường THPT Bình Liêu năm 2024 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này../.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu VT.



Đinh Quốc Tuấn

Trường THPT Bình Liêu



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 197/QĐ-THPTBL ngày 30/12/2024 của trường THPT Bình Liêu)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Dự toán thực hiện
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.981.756.000	10.234.274.392
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	11.981.756.000	10.234.274.392
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.148.700.000	8.074.900.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.833.056.000	2.159.374.392